TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-5-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài
2. Bà Bùi Thị Duyên

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguuyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1986; địa chỉ: số 21/3 ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Võ Văn N, sinh năm: 1986; địa chỉ: số 21/3 ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị và anh Võ Văn N tiến tới hôn nhân là do quen biết, có tìm hiểu nhau một thời gian và tự nguyên tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 09/3/2006. Kết hôn xong vợ chồng chung sống bên gia đình chồng tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre, cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc thời gian đầu, tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh N thường xuyên ghen tuông vô cớ, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình nhưng không hàn gắn được. Chị và anh Võ Văn N đã không còn sống chung với nhau khoảng 01 năm nay, quá trình không sống chung giữa chị và anh N cũng không hàn gắn được tình cảm. Nay

chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh Võ Văn N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn N. Chị không yêu cầu anh Võ Văn N cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Trường D, sinh ngày 08/01/2007 và Võ Thị Yến N, sinh ngày 13/12/2014. Đối với cháu D hiện nay đang sống chung với anh N, cháu N đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi Võ Thị Yến N, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị đồng ý giao con chung tên Võ Trường D cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Võ Văn N vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C; Về hôn nhân, chị C được ly hôn với anh N. Chị C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Về con chung, giao cháu Võ Thị Yến N, sinh ngày 13/12/2014 cho chị C và giao cháu Võ Trường D, sinh ngày 08/01/2007 cho anh N chăm sóc nuôi dưỡng, chị C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị C trình bày không có không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung, chị C trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Võ Văn N đăng ký thường trú tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn chị C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị C và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre và cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/3/2006. Do đó, hôn nhân của chị C và anh N đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị C cho rằng, quá trình sống chung giữa chị và anh N có hạnh phúc một thời gian, sau đó thì không còn hạnh phúc do có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã không còn sống chung với nhau một khoảng thời gian nhưng không có gặp gỡ để hàn gắn tình cảm.

Đối với anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Như vậy, có cơ sở xác định anh N không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị C. Qua kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh N, qua đó cho thấy lời trình bày của chị C về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị C và anh N là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh N. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, do chị C không yêu cầu và không ghi nhận được ý kiến của anh N nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: chị C và anh N có 02 con chung là Võ Trường D, sinh ngày 08/01/2007 và Võ Thị Yến N, sinh ngày 13/12/2014; hiện nay cháu D đang sống chung với anh N, cháu N đang sống chung với chị C. Chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Thị Yến N, sinh ngày 13/12/2014, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị C yêu cầu anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Trường D, sinh ngày 08/01/2007, chị C không cấp dưỡng nuôi con. Thấy rằng, từ khi chị C và anh N không còn sống chung thì chị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Như, cháu N cũng có nguyện vọng sống chung với chị C. Quá trình giải quyết vụ án anh N không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị C. Xét thấy, chị C có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy cháu N để cháu phát triển tốt về mọi mặt. Vì vậy, giao con chung là cháu Võ Thị Yến N cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Đối với cháu Võ Trường D, hiện nay đang sống chung với anh N, cháu D có nguyện vọng sống chung với anh N nên tiếp tục giao cháu D cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, do không ghi nhận được ý kiến của anh N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị C trình bày không yêu cầu giải quyết, đối với anh N không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, đối với anh N không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên chị C phải nộp án phí hôn nhân không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Võ Văn N. Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Võ Văn N.

Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Võ Thị Yến N, sinh ngày 13/12/2014 cho chị Nguyễn Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Võ Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị C không có yêu cầu. Giao con chung Võ Trường D, sinh ngày 08/01/2007 cho anh Võ Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về chia tài sản chung: chị Nguyễn Thị C trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Võ Văn N không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Nguyễn Thị C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Võ Văn N không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003632 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã H, huyện T;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hồ Văn Tú

\